

XÃ HỘI HỌC VÀ 40 NĂM VIỆT NAM ĐỔI MỚI: CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU GIÀ HOÁ VÀ NGƯỜI LỚN TUỔI Ở VIỆN XÃ HỘI HỌC, 1991-2005

BÙI THẾ CƯỜNG*

Tóm tắt: Nghiên cứu người cao tuổi ở Việt Nam có lịch sử hơn nửa thế kỷ, tính từ năm 1970 khi Bộ Y tế thành lập Chương trình Nghiên cứu y học tuổi già. Cho đến giữa thập niên 1980, người cao tuổi gần như là lĩnh vực chỉ do các nhà lão khoa quan tâm nghiên cứu và thực hành điều trị. Năm 1977, họ đã tiến hành một khảo sát cỡ mẫu hơn 13.000 người, phác họa bức tranh dịch tễ học và sức khỏe người cao tuổi. Gần giữa thập niên 1980, các nhà xã hội học bắt đầu quan tâm chủ đề người cao tuổi. Cuối thập niên 1980, với hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, dân số học Việt Nam đã có báo cáo quốc gia đầu tiên về người cao tuổi. Đầu thập niên 1990 khởi đầu bước hợp tác tốt đẹp giữa Viện Bảo vệ sức khỏe người có tuổi và Viện Xã hội học. Từ đó giới xã hội học Việt Nam tham gia sâu rộng và mạnh mẽ hơn vào địa hạt nghiên cứu này. Bài viết nhìn lại những đóng góp của nghiên cứu về người cao tuổi do Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam thực hiện trong giai đoạn 1991-2005, kiểm kê một số thành tựu học thuật và đóng góp chính sách.

Từ khóa: lão khoa, nghiên cứu già hoá, người cao tuổi, lịch sử xã hội học Việt Nam.

Nhận bài: 10/7/2025

Gửi phản biện: 15/7/2025

Duyệt đăng: 29/8/2025

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu người cao tuổi ở Việt Nam có lịch sử hơn nửa thế kỷ, tính từ năm 1970 khi Bộ Y tế thành lập Chương trình Nghiên cứu y học tuổi già đặt ở Bệnh viện Bạch Mai, tạo nên thể hệ các nhà lão khoa đầu tiên. Qua mỗi thập niên hướng nghiên cứu tuổi già ngày càng mở rộng, xuất hiện sự tham gia của các nhà dân số học, xã hội học, chính sách xã hội, và công tác xã hội. Bài viết nhìn lại những đóng góp của nghiên cứu về người cao tuổi do Viện Xã hội học (Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam) thực hiện trong giai đoạn 1991-2005.

2. Nghiên cứu người cao tuổi thập niên 1970-1980

Lịch sử nghiên cứu người cao tuổi ở miền Bắc Việt Nam gắn liền với quá trình hình thành Bệnh viện Lão khoa Trung ương và tên tuổi GS. Phạm Khuê. Năm 1970, Bộ Y tế

* Trường Đại học Cửu Long.

thành lập “Chương trình Nghiên cứu y học tuổi già” do GS. Phạm Khuê lãnh đạo, đặt trong Bệnh viện Bạch Mai. Năm 1980, từ Chương trình đó Bộ Y tế cho thành lập Đơn vị Nghiên cứu y học tuổi già. Sự kiện Đại hội thế giới về tuổi già do Liên Hợp quốc tổ chức năm 1982 là cú hích cho sự phát triển vượt bậc đối với nhận thức và hàng loạt hành động chiến lược trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam, về vấn đề người cao tuổi và sự già hoá dân cư. Năm 1983, Bộ Y tế ra quyết định thành lập Viện Bảo vệ sức khỏe người có tuổi, trực thuộc Bệnh viện Bạch Mai (Quyết định số 1021/BYT-QĐ ngày 15/11/1983). Năm 1997, Viện đổi tên thành Viện Lão khoa Việt Nam (Quyết định số 749/BYT-QĐ ngày 29/4/1997). Năm 2006, Viện trở thành Viện Lão khoa Quốc gia trực thuộc Bộ Y tế (Quyết định số 485/QĐ-TTg ngày 30/3/2006). Năm 2009, Viện trở thành Bệnh viện Lão khoa Trung ương (Quyết định số 4454/QĐ-BYT ngày 13/11/2009) (Bệnh viện Lão khoa Trung ương, 2025).

Trong thập niên 1970-1980, các nhà lão khoa đi tiên phong trong việc tiến hành những khảo sát định lượng, một phương pháp mà hồi đó rất ít người biết. Năm 1977, Chương trình Nghiên cứu y học tuổi già của GS. Phạm Khuê đã triển khai điều tra dịch tễ học cỡ mẫu lên tới 13.399 người 60 tuổi trở lên sống ở miền Bắc Việt Nam (Phạm Khuê, 1989). Năm 1984, Bệnh viện Hữu nghị Việt-Xô thực hiện khảo sát 1.892 người về hưu sống ở 20 phường thuộc 4 quận nội thành Hà Nội (Nguyễn Xuân Lương, 1991). Một cột mốc thể hiện bước hội nhập quốc tế là trong ba năm 1989-1991, Viện Bảo vệ sức khỏe người có tuổi thực hiện 3 khảo sát dựa trên bảng hỏi của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) khu vực Tây Thái Bình Dương. Cụ thể, tháng 8/1989, Viện thực hiện điều tra 1.032 người độ tuổi 50 trở lên ở xã Chu Phan (Mê Linh, Hà Nội); tháng 6/1990 điều tra 400 người độ tuổi 60 trở lên ở xã Quảng Tiến (Sầm Sơn, Thanh Hoá); tháng 4/1991 điều tra 157 người độ tuổi 60 trở lên ở xã Nông Hạ (Phú Lương, Bắc Thái) (Nguyễn Chí Bình, 1993a-d). Khác với những thập niên sau nở rộ loại hình khảo sát xã hội định lượng, năm khảo sát kể trên là hiện tượng hiếm hoi cung cấp bức tranh về sức khỏe người cao tuổi và đời sống xã hội dân cư thời đó.

Năm 1991, Viện Bảo vệ sức khỏe người có tuổi tổ chức Hội thảo lão khoa xã hội, có lẽ là hội thảo quốc gia đầu tiên về lão khoa xã hội cũng như về đời sống xã hội của nhóm dân cư cao tuổi. Hội thảo này khởi đầu sự tham gia và hợp tác của các nhà nghiên cứu làm việc ở Viện Xã hội học.

Cần nói thêm, với sự hỗ trợ của Ủy ban Kinh tế-Xã hội châu Á-Thái Bình Dương Liên Hợp Quốc (Economic and Social Commission for Asia and the Pacific, ESCAP), năm 1989 Đặng Thu đã công bố báo cáo quốc gia về vấn đề già hoá và người cao tuổi ở Việt Nam. Đây có thể là báo cáo quốc gia đầu tiên về chủ đề này, đưa ra bức tranh mô tả dân số học nhóm dân cư cao tuổi ở Việt Nam (Đặng Thu, 1989).

Vào thời kỳ bản lề chuyển từ thập niên 1980 sang thập niên 1990 cũng xuất hiện một số nghiên cứu có ý nghĩa, thực hiện tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Trịnh Văn Lễ, 1991; Đỗ Minh Cương, 1994; Mạc Tuấn Linh, 1994).

3. Chương trình Nghiên cứu già hoá và người lớn tuổi ở Viện Xã hội học

Khoảng gần giữa thập niên 1980, Viện Xã hội học bắt đầu quan tâm chủ đề người cao tuổi. Năm 1983, Viện Xã hội học thực hiện khảo sát định lượng về người về hưu ở Hà

Nội trong khuôn khổ đề tài “Lối sống của người về hưu” (Phan Quốc Thắng, 1986:73). Dựa trên dữ liệu thu được từ khảo sát đó, xuất hiện những ấn phẩm đầu tiên (Nguyễn Xuân Mai, 1984). Tiếp theo là những ấn phẩm khác của các tác giả: Phan Quốc Thắng (1986), Trung Chính (1986), Vũ Khiêu (1986), Vũ Minh Phượng (1986). Phần lớn những bài viết kể trên đề cập đến hoàn cảnh sống của người về hưu và chính sách xã hội đối với họ.

3.1. Đề tài và ấn phẩm

Bước sang thập niên 1990, mối lương duyên với các nhà lão khoa ở Viện Bảo vệ sức khoẻ người có tuổi đã khích lệ một số nhà xã hội học ở Viện Xã hội học tiếp tục giai đoạn nghiên cứu mới về người cao tuổi. Cá nhân tôi may mắn có được bốn cơ hội trong thời điểm ấy:

(1) Viện Xã hội học nhận được thư của GS. Phạm Khuê, Viện trưởng Viện Bảo vệ sức khoẻ người có tuổi, mời tham gia Hội thảo quốc gia về lão khoa xã hội tổ chức năm 1991.

(2) Sau khi tham dự Hội thảo quốc gia về lão khoa xã hội nói trên, mà người chủ trì là GS. Phạm Khuê, Viện trưởng Viện Bảo vệ sức khoẻ người có tuổi, một ngày, GS. Trương Lai, Viện trưởng Viện Xã hội học, nói với tôi: “Hay là Cường nghiên cứu về người cao tuổi đi, đề tài này cũng hay lắm”. Tôi chấp hành, không nghĩ đây chỉ là gợi ý thoáng qua của thể hệ đàn anh đi trước hay đó là cấp trên giao nhiệm vụ.

(3) Cuối thập niên 1980, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam có một chương trình hỗ trợ của Quỹ Toyota, hàng năm xét duyệt đề xuất dự án nghiên cứu. Đây là điều hiếm hoi ở Việt Nam thời điểm đó. Năm 1991, tôi gửi đề xuất và giành được tài trợ cho Dự án nghiên cứu “Người già và hệ thống an sinh xã hội ở miền Bắc Việt Nam” (Mã số 91-I-061).

(4) Năm 1992, Viện Xã hội học tổ chức một hội thảo lớn về dân số học do PGS.TS Phạm Bích San điều phối, với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài, trong đó có những người đang rất quan tâm đến chủ đề già hoá dân số, và tôi có cơ may gặp gỡ họ, mở ra triển vọng hợp tác quốc tế. Người đầu tiên phải kể đến là GS. John Knodel (1940-2024), người sau này đã có nhiều đóng góp quan trọng cho nghiên cứu già hoá ở Việt Nam.

Với bốn sự kiện/ duyên may kể trên, tôi đã có những điều kiện thuận lợi để triển khai hoạt động nghiên cứu dài hạn và tương đối có hệ thống về già hoá, mà sau này tôi đặt tên là “Chương trình Nghiên cứu già hóa và người lớn tuổi” (Aging and Adults Research Program, IOS-AAR). Vào nửa đầu thập niên 1990, chủ đề nghiên cứu người già đã gây cảm hứng lớn ở rất nhiều nhà nghiên cứu cũng như ở một số nhà quản lý ở Hà Nội và một số tỉnh phía Bắc.

Trong khuôn khổ 15 năm thực hiện (1991-2005), với sự tham gia nhiệt tình của nhiều nhà nghiên cứu và hỗ trợ của nhiều lãnh đạo địa phương, IOS-AAR đã tiến hành 9 khảo sát định lượng và định tính về người cao tuổi và lớn tuổi, xuất bản 57 bài đăng trên Tạp chí Xã hội học Việt Nam, 10 bài ở tạp chí hoặc ấn phẩm nước ngoài, 7 bài in trong sách, và 2 cuốn chuyên khảo (Viện Xã hội học, 1994; Bùi Thế Cường, 2005). IOS-AAR thiết kế 2 số

chuyên đề của Tạp chí Xã hội học về vấn đề già hoá và người cao tuổi (số 2(38)/1992 và số 2(66)/1999). Từ năm 1993 đến 2001, IOS-AAR chủ trì tổ chức 8 hội thảo quốc tế và trong nước (Bùi Thế Cường, 2005:219).

3.2. Đóng góp học thuật và chính sách

Nhìn lại 15 năm tồn tại và phát triển, tôi thấy các nhà nghiên cứu tham gia IOS-AAR đã có ba đóng góp rõ rệt về học thuật và chính sách.

Thúc đẩy nghiên cứu thực nghiệm và tích cực khuyến nghị chính sách về người cao tuổi

Trong 13 năm, từ 1991 đến 2003, IOS-AAR thực hiện 9 khảo sát thực nghiệm định lượng và định tính với những cỡ mẫu khác nhau. Đó là:

1. Khảo sát An Điền 1991. Đây là một làng thuộc xã Cộng Hoà, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng. Khảo sát định lượng với cỡ mẫu 47 người từ 60 tuổi trở lên, kết hợp 3 thảo luận nhóm tập trung đối với nam nông dân, nữ nông dân, và người nghỉ hưu (Nhóm nghiên cứu về người già ở An Điền, 1992; Bùi Thế Cường, 1992a; Bùi Nguyễn Phương Linh, 1993).

2. Khảo sát Hải Hưng 1993. Điều tra định lượng với cỡ mẫu 308 người từ 60 tuổi trở lên, tại 6 xã, phường thuộc thị xã Hải Dương, huyện Ninh Thanh và huyện Tứ Lộc. Khảo sát thuộc Dự án do Quỹ Toyota tài trợ (Mã số 91-I-061) (Bùi Thế Cường, 1993; Lê Truyền, 1993).

3. Khảo sát tuổi già Hà Nội 1993. Điều tra định lượng 196 người từ 60 tuổi trở lên, tại 4 phường thuộc 3 quận nội thành. Khảo sát thuộc Dự án do Quỹ Toyota tài trợ (Mã số 91-I-061) (Viện Xã hội học, 1994).

4. Khảo sát định tính người cao tuổi nông thôn miền Bắc Thái Lan 1993. Khảo sát phối hợp với Trung tâm Dân số học, Đại học Chulalongkorn và do Quỹ Dân số Liên hợp Quốc (UNFPA) tại Việt Nam tài trợ.

5. Khảo sát tuổi già Hà Nội 1994. Điều tra định lượng 204 người từ 60 tuổi trở lên, tại 7 phường thuộc 4 quận nội thành. Khảo sát thuộc Dự án do Quỹ Toyota tài trợ (Mã số 91-I-061) (Viện Xã hội học, 1994).

6. Khảo sát người cao tuổi Đồng bằng sông Hồng 1996 (Red River Delta Elderly Survey, RRDES 1996). Điều tra định lượng 930 người từ 60 tuổi trở lên sống ở 31 điểm dân cư, đại diện cho vùng (Truong Si Anh et al., 1997; Bùi Thế Cường, 1997; Dương Chí Thiện, 1997; Bùi Thế Cường, 1998; Goodkind et al., 1999; Bùi Thế Cường, 2000; Knodel et al., 2000; Friedman et al., 2003; Bùi Thế Cường, 2005: 13-58, 173-212). Khảo sát do Đại học Michigan tài trợ.

7. Khảo sát người cao tuổi Đông Nam Bộ mở rộng 1997 (Extended South-Eastern Elderly Survey, ESEES 1997). Điều tra định lượng 840 người từ 60 tuổi trở lên sống ở 28 điểm dân cư, được chọn ngẫu nhiên phân tầng đại diện cho vùng gồm Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) và 6 tỉnh xung quanh. Khảo sát do Đại học Michigan tài trợ (Truong Si

Anh et al., 1997; Trương Sĩ Ánh, 1997; Trương Sĩ Ánh, 1999; Goodkind et al., 1999; Knodel et al., 2000; Friedman et al., 2003).

8. Khảo sát định tính người cao tuổi Việt Nam 2000. Nghiên cứu bao gồm phỏng vấn nhóm và cá nhân đối với 66 cán bộ cấp tỉnh và cấp cơ sở, phỏng vấn cá nhân 43 người từ tuổi 50 đến trên 80 tuổi, thảo luận nhóm tập trung với 55 người thuộc độ tuổi 50-59, và với 74 người từ 60 tuổi trở lên. Nghiên cứu do UNFPA Việt Nam tài trợ (Bùi Thế Cường, 2005:59-132, 213-214).

9. Khảo sát “Giao tiếp liên thế hệ trong thanh niên: Nghiên cứu so sánh giữa Việt Nam và Mỹ” 2002. Khảo sát bao gồm 2 cuộc điều tra mẫu với 163 sinh viên ở Hà Nội và 224 sinh viên ở TP.HCM, kết quả phân tích so sánh với khảo sát sinh viên ở Mỹ (McCann et al., 2004).

Các khảo sát trên tạo ra những bộ dữ liệu gốc làm cơ sở để xuất bản hàng chục bài nghiên cứu thực nghiệm trên các tạp san khoa học trong nước và nước ngoài, cung cấp dữ liệu cấp một cho việc phân tích sâu rộng về thế giới xã hội thực của quần thể dân cư cao tuổi Việt Nam thập niên 1990 đầu thập niên 2000. Ngoài ra, một số công trình của IOS-AAR cũng phân tích dữ liệu cấp hai đối với những bộ số liệu lớn như Tổng Điều tra dân số và nhà ở 1989 và 1999, Điều tra Dân số giữa kỳ 1994 (Đỗ Thịnh & Vũ Hoa Thạch, 1994; Bùi Thế Cường, 1999a, 1999b; Bui The Cuong *et al.*, 2000; Friedman *et al.*, 2003).

Đặc biệt có ý nghĩa là với tài trợ của Đại học Michigan và hỗ trợ kỹ thuật của John Knodel, IOS-AAR đã triển khai được hai khảo sát định lượng đại diện cho vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ mở rộng (Bùi Thế Cường, 2005:209-212; Trương Sĩ Ánh, 1998, 1999). Thủ tục chọn mẫu đảm bảo hai khảo sát trên đại diện cho hai quần thể người cao tuổi của hai vùng. Có thể nói, cho đến thời điểm đó, đây là hai khảo sát quy mô đầu tiên mang đậm tính xã hội học và chất lượng cao (thủ tục chọn mẫu có tính đại diện, bảng hỏi dựa trên kinh nghiệm quốc tế, xử lý và phân tích dữ liệu chuyên nghiệp).

Dựa trên những nghiên cứu thực nghiệm nói trên, IOS-AAR đã đề xuất và chia sẻ rộng rãi một số khuyến nghị quan trọng đối với vấn đề người cao tuổi. Năm 1992-1993, trong nhiều hội thảo và hội nghị có liên quan, cũng như trên nhiều ấn phẩm, IOS-AAR nêu một số khuyến nghị sau đây.

1. Sớm thành lập hội người có tuổi ở cấp quốc gia để thống nhất các phong trào bảo trợ địa phương vào một khuôn khổ chung. Ra đời một hội toàn quốc của người cao tuổi sẽ là "một đòn bẩy quyết định để tạo ra những công cụ xã hội quan trọng cho sự nghiệp chăm lo cho người cao tuổi" (Bùi Thế Cường, 1994: 52 [In lại từ bài đã xuất bản 1993 dưới bút danh Bùi Nguyễn Phương Linh]). Những công cụ xã hội đó là: một tổ chức bảo hiểm tuổi già rộng rãi trên cả nước, một trung tâm nghiên cứu khoa học quốc gia về tuổi già, một tạp chí khoa học về tuổi già, một tờ báo riêng cho người cao tuổi, hình thành những tổ chức dịch vụ trong nước (phi Chính phủ [NGO], phi lợi nhuận [NPO]) phục vụ người có tuổi, hình thành thị trường các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến người cao tuổi (Bùi Thế Cường, 1994:49-52).

2. Sớm phục hồi hệ thống an sinh xã hội quốc gia đã bị khủng hoảng trong thập niên 1970-1980 do khủng hoảng kinh tế-xã hội chung. Trong đó, khôi phục các hệ thống bảo hiểm xã hội cho người già ở nông thôn đã từng là xã viên hợp tác xã nông nghiệp, cho người già đã làm việc trong khu vực hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, và cả những người già đã từng đóng bảo hiểm xã hội ở miền Nam Việt Nam trước 1975, tiến tới hình thành một tổ chức bảo hiểm tuổi già rộng rãi trên cả nước (Bùi Thế Cường, 1992b; Nhóm nghiên cứu về người già ở An Điền, 1992; Bùi Thế Cường, 1994).

3. Bên cạnh hệ thống an sinh xã hội chính thức, bối cảnh văn hoá-xã hội Việt Nam vẫn sẽ tồn tại lâu dài mạng lưới an sinh “dân gian” của gia đình, thân tộc và cộng đồng. Do đó, cần tiếp tục hỗ trợ mạng lưới này đóng góp vào phúc lợi của người cao tuổi (Bùi Thế Cường, 1992b).

4. Cần đặc biệt chú trọng phúc lợi của người cao tuổi nông thôn và phụ nữ có tuổi (Bùi Thế Cường, 1992a).

Một số trong những đề cập trên đã sớm xuất hiện. Năm 1995, ra đời Hội Người cao tuổi Việt Nam và tờ báo "Người cao tuổi". Một số địa phương đã cố gắng thử nghiệm bảo hiểm xã hội cho nông dân và khu vực ngoài quốc doanh phi nông nghiệp. Sau này, việc giải quyết vấn đề đã được tích hợp vào chiến lược phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội quốc gia. Năm 1997, Đài Truyền hình Quốc gia phát Chương trình truyền hình “Cây cao bóng cả”. Từ năm 1997, Hội Phụ nữ Việt Nam có những chương trình trợ giúp phụ nữ cao tuổi, và trong Đại hội đại biểu toàn quốc năm 2002 đã nhấn mạnh nhóm phụ nữ cao tuổi là nhóm mục tiêu ưu tiên trong chương trình nghị sự công tác của Hội. Năm 1991, IOS-AAR tham gia sáng lập và điều hành Trung tâm nghiên cứu và trợ giúp người cao tuổi (RECAS), đặt dưới sự bảo trợ của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

Nhận diện và cảnh báo sớm quá trình già hoá dân số ở Việt Nam

Năm 1999, nhóm nghiên cứu của IOS-AAR do GS. John Knodel lãnh đạo đã phát hiện và cảnh báo về quá trình già hoá của Việt Nam, hơn 10 năm trước khi quá trình này bắt đầu diễn ra. Nhóm nhận diện sự già hoá dân số của Việt Nam sắp diễn ra với ba đặc trưng sau: *Thứ nhất*, già hóa sẽ chỉ bắt đầu một cách rõ rệt và mạnh mẽ sau 2010; *Thứ hai*, từ cuối thập niên 1990 đã thể hiện rõ xu hướng tăng nhanh tỷ lệ nhóm người già hơn (75+) trong nhóm người cao tuổi nói chung (60+), và xu hướng này sẽ đậm nét hơn nữa trong suốt thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI; *Thứ ba*, tỷ lệ phụ nữ cao tuổi trong số người già sẽ rất cao ở Việt Nam, cao một cách bất thường so với đa số nước trên thế giới (Bui The Cuong *et al.*, 2000:335-337; Bùi Thế Cường, 2001:24-28).

Dựa vào phân tích trên đây, trong các ấn phẩm và hội thảo khoa học các năm 1999-2001, IOS-AAR tích cực kiến nghị rằng, Việt Nam đang có một thập niên phía trước để chuẩn bị đương đầu với xu hướng già hoá dân cư đang đến rất gần, nhưng cần làm việc này một cách nhanh chóng và mạnh mẽ. IOS-AAR cũng cho rằng, dù trong những năm 1990 đã có những tiên tri tích cực trong các chính sách Nhà nước đối với nhóm người cao tuổi, song so sánh với các nước khác, Việt Nam vẫn còn thiếu một văn kiện chính sách định hướng tổng quát và một chương trình hành động quốc gia cho vấn đề già hoá dân cư (Bùi

Thế Cường, 2001:28-29). IOS-AAR cũng phác họa một số đề xuất khung chính sách định hướng và giải pháp (Bùi Thế Cường, 1998; Bùi Thế Cường, 2000:32-35). Những văn kiện khung cần thiết đã xuất hiện trong thập niên 2000, thể hiện nhận thức và cam kết cao của Nhà nước đối với vấn đề già hoá dân số. Năm 2000, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Người cao tuổi (số 23/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/4/2000). Năm 2004, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định thành lập Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam (Quyết định số 141/2004/QĐ-TTg ngày 5/8/2004). Năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2005-2010 (Quyết định số 301/2005/QĐ-TTg ngày 21/11/2005).

Nhận diện kỷ nguyên dân số vàng ở Việt Nam và khuyến nghị chính sách thúc đẩy phát triển

Đóng góp đáng chú ý thứ ba là vào giữa thập niên 2000 IOS-AAR đã là địa chỉ đầu tiên phát hiện cơ hội dân số vàng ở Việt Nam (Bùi Thế Cường, 2004, 2006). Trong nửa thế kỷ, từ cuối thập niên 1940 đến đầu thập niên 2000, nghiên cứu dân số học quốc tế lần lượt xuất hiện ba làn sóng lý thuyết về tính chất của mối quan hệ giữa dân số và tăng trưởng kinh tế. Cả ba làn sóng đều đưa ra luận thuyết dựa trên cơ sở dữ liệu thực nghiệm cùng thời. Làn sóng thứ nhất nhấn mạnh tác động tiêu cực của dân số đến tăng trưởng kinh tế. Làn sóng thứ hai, ngược lại, nhấn mạnh tác động tích cực của dân số đến tăng trưởng kinh tế. Làn sóng thứ ba, tinh chỉnh hai lý thuyết trên, cho rằng dân số không tự động tác động tiêu cực hay tích cực đến tăng trưởng kinh tế; hệ quả theo xu hướng nào phụ thuộc vào chính sách của quốc gia sở tại (Bùi Thế Cường, 2006:317-326).

Nghiên cứu quá trình xuất hiện ba lý thuyết quốc tế trên, IOS-AAR vận dụng khái niệm lợi tức dân số của văn liệu quốc tế [demographic dividend, sau này nhiều ấn phẩm ở Việt Nam dùng thuật ngữ phù hợp hơn: dư lợi dân số] và định nghĩa "... sử dụng thuật ngữ "cơ hội dân số" để nói đến "lợi tức dân số" đối với tăng trưởng kinh tế liên quan đến mức giảm tổng tỷ suất phụ thuộc, bao gồm hai giai đoạn. *Giai đoạn thứ nhất*, khi tổng tỷ suất phụ thuộc giảm, bắt đầu bước vào thời kỳ dân số học gọi là "cửa sổ cơ hội". *Giai đoạn hai*, khi chỉ số này xuống dưới ngưỡng 50%, tôi gọi là "kỷ nguyên vàng". Kỷ nguyên vàng sẽ kết thúc khi tổng tỷ suất phụ thuộc bắt đầu tăng trở lại và vượt ngưỡng 50%. Tổng tỷ suất phụ thuộc là đại lượng của số người trong độ tuổi 0-14 cộng với số người trong độ tuổi 65 trở lên (65+) chia cho số người trong độ tuổi 15-64. Nó nói lên tương quan giữa số người không ở trong độ tuổi lao động (dưới 15 tuổi và 65 trở lên) so với số người trong độ tuổi lao động (15-64) trong một quần thể dân cư nhất định. (Bùi Thế Cường, 2006:321-322).

Áp dụng khái niệm trên vào phân tích số liệu dân số học của Việt Nam, IOS-AAR nêu nhận định "giai đoạn đầu của cơ hội dân số đã đến với Việt Nam từ khoảng thập niên 1980. Sau 2005, cơ hội dân số sẽ bước vào giai đoạn hai: Việt Nam tiến vào kỷ nguyên dân số vàng của mình, kéo dài khoảng 30 năm" (Bùi Thế Cường, 2006:325). Vận dụng quan điểm của làn sóng lý thuyết thứ ba trong thập niên 1990-2000, IOS-AAR cũng nhấn mạnh quan điểm rằng, cơ hội dân số tác động tiêu cực hay tích cực đến tăng trưởng kinh tế là do yếu tố quyết định của chính sách. Hệ thống chính sách của Nhà nước có thể tác động cùng chiều và khuếch đại cơ hội dân số, nhờ đó thêm một yếu tố quan trọng giúp quốc gia cất

cánh (take-off, theo mô hình của Rostow, 1959, 1965). Nhưng quốc gia nắm cơ hội dân số trong tay cũng có thể bỏ lỡ, không tận dụng được hoặc thậm chí huỷ hoại cơ hội ấy, nếu ban hành những chính sách không phù hợp. Tác động của cơ hội dân số đến kinh tế thông qua ba cơ chế: cung cấp lao động, tiết kiệm và vốn con người. Có bốn vùng chính sách quan trọng nhất tạo khả năng hiện thực hoá cơ hội dân số, đó là chính sách kinh tế, giáo dục, sức khoẻ, và bảo trợ xã hội. Vì thế, điều hệ trọng đối với Việt Nam khi ấy, giữa và nửa sau thập niên 2000, là bộ máy hoạch định chính sách quốc gia cần sớm nhận thức được tầm quan trọng của hiện tượng này, tổng rà soát sâu rộng và thiết kế lại hệ thống chính sách kinh tế-xã hội sao cho chúng có thể tác động hiệu quả tối đa, thúc đẩy ảnh hưởng tích cực của quá trình tăng tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động đến tăng trưởng kinh tế, một cơ hội dân số vàng chỉ xảy ra một lần duy nhất và chỉ kéo dài trong khoảng 30 năm.

Từ cuối thập niên 2000, vấn đề này bắt đầu xuất hiện trong các văn kiện chính sách, ấn phẩm học thuật và báo chí. Ngày 1/4/2009, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 44-KL/TW về kết quả 3 năm thực hiện Nghị Quyết số 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 của Bộ Chính trị (Khoá IX) về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số-kế hoạch hoá gia đình. Lần đầu tiên văn kiện chính sách này chính thức nêu cụm từ *cơ hội của thời kỳ* “*cơ cấu dân số vàng*”, đồng thời nhấn mạnh việc thích ứng với sự già hoá. Trong phần đề cập những trọng tâm cần chú ý, Kết luận 44-KL/TW viết: “Phát triển kinh tế-xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh chương trình việc làm và đào tạo nghề nhằm tăng tỉ lệ việc làm, tận dụng cơ hội của thời kỳ “*cơ cấu dân số vàng*” để phát huy nguồn lao động dồi dào, tạo công ăn việc làm, xuất khẩu lao động, đào tạo nghề... trong giai đoạn 2007-2022. Phát triển các dịch vụ xã hội thích ứng với giai đoạn cơ cấu dân số già ở nước ta từ năm 2015; từng bước hoàn thiện chế độ an sinh tuổi già; tăng cường giáo dục, truy cứu trách nhiệm người vi phạm chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng ông bà, cha mẹ theo quy định của pháp luật.”

Thực hiện Kết luận số 44-KL/TW ngày 1/4/2009 của Bộ Chính trị, ngày 14/11/2011, Thủ tướng ban hành Quyết Định số 2013/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khoẻ sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020. Trong đó nêu quan điểm “phát huy lợi thế của cơ cấu dân số vàng”.

Ngày 25/10/2017, tại Hội nghị lần thứ sáu Khoá XII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Nghị Quyết số 21-NQ/TW (2017) về công tác dân số trong tình hình mới. Nghị quyết nêu rõ một mục tiêu của công tác dân số thời gian tới là “tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng”; và chỉ đạo “Ban hành Chiến lược dân số trong tình hình mới; phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước nhanh, bền vững và thích ứng với già hóa dân số”. Thực hiện Nghị Quyết 21 của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 22/11/2019, Thủ tướng ban hành Quyết Định số 1679/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến 2030, trong đó nêu lên những giải pháp để tận dụng cơ hội dân số vàng.

Trong khu vực nghiên cứu, bước sang thập niên 2010, một số tác giả có những phân tích về hiện tượng quan trọng này (Giang Thanh Long, 2010). Đồng thời, hàng loạt bài đề cập sôi nổi trên truyền thông đại chúng (Nguyệt Hà, 2010; Thanh Hương, 2013; Thu Hương, 2015; Thanh Mai, 2019; Trần Nguyên, 2019; Trung tâm Tin tức VTV24, 2019).

Bước sang thập niên 2020, xuất hiện ấn phẩm của Đặng Thị Ánh Tuyết & Nguyễn Thị Thuỳ Nhung (2021). Và cơ hội dân số vàng vẫn tiếp tục là chủ đề nóng lặp đi lặp lại trên truyền thông đại chúng (Thiên Lam, 2020, 2023; Vĩnh Đăng, 2021; Trang website của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2021; Ban Thời sự VTV Online, 2023; Thanh Mai, 2023; Dương Liễu & Thu Hiền, 2024; Trần Trân, 2024).

4. Kết luận

Bài viết tham gia vào chuỗi hoạt động đánh giá đóng góp của xã hội học trong 40 năm Đổi mới ở Việt Nam, đồng thời tham gia xây dựng kho tài liệu lịch sử xã hội học của nước nhà.

Mở đầu, bài viết điểm lại lịch sử có ý nghĩa của nghiên cứu người cao tuổi theo nghĩa rộng ở Việt Nam từ đầu thập niên 1970. Các nhà lão khoa đi tiên phong, rồi từng bước ngày càng mở rộng với sự tham gia của các nhà dân số học, xã hội học, chính sách xã hội, và công tác xã hội, chưa kể sự đóng góp của một số nhà triết học, nghiên cứu văn hoá, và sử học.

Tiếp theo, bài viết kiểm kê đóng góp học thuật và chính sách của Chương trình Nghiên cứu già hoá và người lớn tuổi ở Viện Xã hội học giai đoạn 1991-2005 (IOS-AAR). *Đóng góp thứ nhất* là từ đầu thập niên 1990 và trong suốt thập niên này, IOS-AAR đã sản xuất nhiều bộ dữ liệu thực nghiệm định lượng và định tính, dựa trên đó cung cấp bức tranh rộng và phân tích sâu về hầu hết mọi khía cạnh trong đời sống của người cao tuổi, từ đó đề xuất nhiều khuyến nghị chính sách. Có thể nói, trong thập niên 1990, IOS-AAR là địa chỉ sản xuất nhiều ấn phẩm nhất về nghiên cứu xã hội về người cao tuổi. *Đóng góp có ý nghĩa thứ hai* là cuối thập niên 1990, IOS-AAR là địa chỉ đầu tiên phát hiện và cảnh báo sớm về quá trình già hoá dân cư Việt Nam khoảng một thập niên trước khi nó bắt đầu. IOS-AAR nhận diện ba đặc trưng cơ bản của quá trình này, đồng thời nêu những khuyến nghị chính sách cơ bản và cấp bách để sớm chủ động đương đầu với thách thức. *Đóng góp có ý nghĩa thứ ba* là giữa thập niên 2000, IOS-AAR là địa chỉ đầu tiên phát hiện và cảnh báo sớm rằng Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên dân số vàng kéo dài 30 năm. Dựa trên lý thuyết quốc tế về quan hệ giữa dư lợi dân số vàng và tăng trưởng kinh tế, IOS-AAR đã nêu lên những vùng chính sách quan trọng nhất khiến tác động của dân số vàng có thể diễn ra theo hướng tích cực hoặc tiêu cực đối với tăng trưởng kinh tế.

Lời tri ân

Chương trình Nghiên cứu già hoá và người lớn tuổi ở Viện Xã hội học 1991-2005 (IOS-AAR) nhận được sự tham gia và giúp đỡ nhiệt tình trong nhiều năm của hàng chục nhà nghiên cứu trong nước và nước ngoài, sự hỗ trợ mạnh mẽ của nhiều nhà quản lý Trung ương và địa phương, đặc biệt sự cộng tác lớn lao của hàng ngàn người cao tuổi sinh sống trên hàng chục địa bàn mà IOS-AAR đã đến khảo sát. Là người điều phối chủ chốt của IOS-AAR, tác giả bài viết bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đến tất cả những người đã tham gia theo cách này hay cách khác vào đóng góp khoa học và xã hội của IOS-AAR.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. 2017. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới*. Số 21-NQ/TW. Hà Nội, ngày 25/10/2017.
- Ban Thời sự VTV Online. 2023. Việt Nam bước qua đỉnh cao của ‘dân số vàng’: Chất lượng đã ‘vàng’ chưa? *VTV Online*, ngày 12/7/2023.
- Bệnh viện Lão khoa Trung ương. 2025. Lịch sử hình thành. *Website*. Truy cập 10/6/2025. <https://benhvienlaokhoa.vn/lich-su-hinh-thanh-1>
- Bộ Lao động, thương binh và xã hội. 2021. Phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng và thích ứng với già hoá dân số. *Website*, ngày 15/4/2021.
- Bùi Nguyễn Phương Linh. 1993. Người già ở Việt Nam hôm nay: Một vài nhận xét ban đầu. *Tạp chí Xã hội học*, số 1(41): 14-22.
- Bùi Thế Cường. 1992a. Người phụ nữ cao tuổi ở nông thôn. *Tạp chí Xã hội học*, số 2(38): 21-25.
- Bùi Thế Cường. 1992b. Người có tuổi và hệ thống an sinh xã hội. *Tạp chí Xã hội học*, số 2(38): 68-71.
- Bùi Thế Cường. 1993. Khác biệt nông thôn-đô thị ở người cao tuổi (Nhận xét bước đầu từ một cuộc khảo sát xã hội học ở Hải Hưng). *Tạp chí Xã hội học*, số 4(44): 86-89.
- Bùi Thế Cường. 1994. Người già ở Việt Nam hôm nay: Một vài nhận xét ban đầu. Trong: Viện Xã hội học. 1994. *Người cao tuổi và an sinh xã hội*. Nxb. Khoa học xã hội. 41-52.
- Bùi Thế Cường. 1996. Hình ảnh tuổi già Đồng bằng sông Hồng. Trong: Bùi Thế Cường (2005). *Trong miền an sinh xã hội – Nghiên cứu về tuổi già ở Việt Nam*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. 13-38.
- Bùi Thế Cường. 1996. Tuổi già Hà Nội trong mạng lưới giúp đỡ gia đình và xã hội: Một phân tích bước đầu từ góc độ giới. Trong: Dương Phú Hiệp và Nguyễn Duy Dũng (Chủ biên). 1996. *Một số vấn đề về phúc lợi xã hội của Nhật Bản và Việt Nam*. 130-151.
- Bùi Thế Cường. 1997. Người cao tuổi Đồng bằng sông Hồng: Sắp xếp đời sống, kinh tế gia đình và sự giúp đỡ giữa cha mẹ già với con cái. Trong: Hội Người cao tuổi Việt Nam (1997). *Tuổi già: Mối liên quan giữa các thế hệ*. Nxb. Chính trị quốc gia. 193-212.
- Bui The Cuong. 1997. Elders Issues in Social Research in Vietnam. Trong: Japan College of Social Work. 1997: *Aging and the Elderly in Asia*. Tokyo. 185-200.
- Bùi Thế Cường. 1998. Sắp xếp đời sống gia đình của người Việt cao tuổi ở Đồng bằng sông Hồng: Thực tế, mong muốn và sự điều chỉnh luật pháp. *Tạp chí Xã hội học*, số 4(64): 50-55.
- Bùi Thế Cường. 1999a. Gia đình người Việt và Pháp lệnh về người cao tuổi. Trong: Bộ Lao động, thương binh và xã hội (1999). *Người cao tuổi Việt Nam – Thực trạng và giải pháp*. Nxb. Lao động-xã hội. 130-141.
- Bùi Thế Cường. 1999b. Bản sắc văn hóa Việt nhìn từ góc độ sắp xếp gia đình. *Tạp chí Xã hội học*, số 2(66): 40-43.
- Bùi Thế Cường. 2000. Ba nguồn lực vật chất cơ bản của tuổi già Đồng bằng sông Hồng. *Tạp chí Xã hội học*, số 1(69): 27-35.
- Bùi Thế Cường. 2001. Già hóa dân số ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra đối với chính sách người cao tuổi. *Tạp chí Xã hội học*, số 1(73): 24-29.
- Bùi Thế Cường. 2004. Cơ hội dân số và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. *Tạp chí Hoạt động khoa học*, số 9(544). Hà Nội: Bộ Khoa học và công nghệ.
- Bùi Thế Cường. 2005. *Trong miền an sinh xã hội - Nghiên cứu về tuổi già ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Bùi Thế Cường. 2006. Kỳ nguyên dân số vàng và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Trong: Mai Quỳnh Nam (Chủ biên). 2006. *Những vấn đề xã hội học trong công cuộc Đổi Mới*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia. 317-332.
- Bùi Thế Cường. 2010. *Góp phần tìm hiểu biến đổi xã hội ở Việt Nam hiện nay*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Bui The Cuong, Truong Si Anh, Daniel Goodkind, John Knodel & Jed Frieman. 2000. Older People in Vietnam amidst Transformations in Social Welfare Policy. Trong: Phillips, David R. (editor) (2000). *Ageing in the Asia-Pacific Region: Issues, Policies and Future Trends*. 334-359.
- Dương Chí Thiện. 1997. Sự sắp xếp cuộc sống gia đình của người cao tuổi ở Đồng bằng sông Hồng. Trong: Hội Người cao tuổi Việt Nam (1997). *Tuổi già: Mối liên quan giữa các thế hệ*. Nxb. Chính trị quốc gia. 180-192.
- Dương Liễu & Thu Hiền. 2024. Việt Nam còn bao nhiêu năm để tận dụng thời kỳ dân số vàng? *Tuổi trẻ*, ngày 5/1/2024.
- Đặng Thị Ánh Tuyết & Nguyễn Thị Thuỳ Nhung. 2021. Phát huy lợi thế dân số vàng, chủ động thích ứng với già hoá dân số theo tinh thần Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 12/2021: 72-79.
- Đặng Thu. 1989. *Nghiên cứu quốc gia về các chính sách và chương trình dành cho người già ở Việt Nam*. Báo cáo cho ESCAP. Hà Nội: Trung tâm Nghiên cứu dân số, Bộ Lao động, thương binh và xã hội.
- Đỗ Minh Cương (Chủ biên). 1994. *Những luận cứ khoa học để đổi mới bảo hiểm xã hội đối với người lao động trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*. Hà Nội: Bộ Lao động, thương binh và xã hội.
- Đỗ Thịnh & Vũ Hoa Thạch. 1994. Những chỉ báo dân số học mới về nhóm người cao tuổi Hải Hưng. Trong: Viện Xã hội học (1994). *Người cao tuổi và an sinh xã hội*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội. 62-69.
- Friedman, Jed, John Knodel, Bui The Cuong & Truong Si Anh. 2003. Gender Dimensions of Support for Elderly in Vietnam. *Research on Aging*, Vol. 25, No. 6, November 2003:587-630. SAGE Publications. DOI: 10.1177/0164027503256692.
- Giang Thanh Long. 2010. *Tận dụng cơ hội dân số 'vàng' ở Việt Nam: Cơ hội, thách thức và các gợi ý chính sách*. Hà Nội: UNFPA Việt Nam.
- Goodkind, Daniel, Truong Si Anh & Bui The Cuong. 1999. Reforming the Old-Age Security System in Vietnam. *Southeast Asian Journal of Social Science*, Vol. 27, No. 2: 139-162.
- Knodel, John, Jed Friedman, Truong Si Anh & Bui The Cuong. 2000. Intergenerational Exchanges in Vietnam: Family Size, Sex Composition, and the Location of Children. *Population Studies*, 54: 89-104.
- Lê Truyền. 1993. Xã hội - Người cao tuổi: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Xã hội học*, số 4(44): 76-80.
- Mạc Văn Tiến (Chủ biên). 1994. *Những vấn đề về thực trạng đời sống một số đối tượng chính sách xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng*. Hà Nội: Bộ Lao động, thương binh và xã hội.
- McCann, Robert, Aaron C. Cargile, Howard Giles & Cuong T. Bui. 2004. Communication Ambivalence toward Elders: Data from North Vietnam, South Vietnam, and U.S.A. *Journal of Cross-Cultural Gerontology*, 19: 275-297. Springer Science + Business Media, Inc.
- Nguyễn Chí Bình. 1993a. Điều tra tình hình xã hội học có liên quan đến sức khỏe người cao tuổi tại Chu Phan. Trong: Viện Bảo vệ sức khỏe người có tuổi. 1993. *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lão khoa xã hội*. Hà Nội: Viện Bảo vệ sức khỏe người có tuổi.
- Nguyễn Chí Bình. 1993b. Điều tra tình hình xã hội học có liên quan đến sức khỏe người cao tuổi tại Quảng Tiên. Trong: Viện Bảo vệ sức khỏe người có tuổi (1993). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lão khoa xã hội*. Hà Nội: Viện Bảo vệ sức khỏe người có tuổi.
- Nguyễn Chí Bình. 1993c. Điều tra tình hình xã hội học có liên quan đến sức khỏe người cao tuổi tại Nông Hạ. Trong: Viện Bảo vệ sức khỏe người có tuổi (1993). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lão khoa xã hội*. Hà Nội: Viện Bảo vệ sức khỏe người có tuổi.

- Nguyễn Chí Bình. 1993d. Từ cuộc điều tra lão khoa xã hội ở một xã miền núi. Trong: Viện Bảo vệ sức khoẻ người có tuổi (1993). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lão khoa xã hội*. Hà Nội: Viện Bảo vệ sức khoẻ người có tuổi.
- Nguyễn Xuân Lương. 1991. Một số nhận xét về tình hình sinh hoạt, đời sống và sức khoẻ của người nghỉ hưu ở bốn quận nội thành Hà Nội. Hà Nội: Báo cáo tư liệu.
- Nguyễn Xuân Mai. 1984. Phát huy vai trò tích cực của người về hưu trong gia đình thành phố. *Tạp chí Xã hội học*, số 3(4): 54-59.
- Nguyệt Hà. 2010. Cơ cấu dân số “vàng” – cơ hội và thách thức. *Báo Điện tử Chính phủ*, ngày 3/6/2010.
- Nhóm nghiên cứu về người già ở An Điền. 1992. Người già ở An Điền và một số đặc điểm nhân khẩu-xã hội. *Tạp chí Xã hội học*, số 2(38): 15-20.
- Phạm Khuê. 1989. *Nghiên cứu quốc gia về người có tuổi trong xã hội Việt Nam*. Báo cáo tư liệu. Hà Nội: Viện Bảo vệ sức khoẻ người có tuổi.
- Phan Quốc Thắng. 1986. Hoạt động văn hoá của người về hưu ở thành phố. *Tạp chí Xã hội học*, số 1(10): 72-75.
- Rostow, W. Walter. 1959. The Stages of Economic Growth. *The Economic History Review*, Vol. 12, No. 1 (1959): 1-16. Wiley.
- Rostow, W. Walter. 1965. *The Stages of Economic Growth: A Non-Communist Manifesto*. Cambridge University Press.
- Thanh Hương. 2013. Tận dụng cơ hội dân số “vàng”. *Đại biểu nhân dân*, ngày 28/12/2013.
- Thanh Mai. 2019. Tận dụng nguồn nhân lực thời kỳ dân số vàng. *Báo Nhân Dân*, ngày 17/11/2019.
- Thanh Mai. 2023. Phát huy lợi thế của thời kỳ cơ cấu dân số vàng. *Báo Nhân Dân*, ngày 23/4/2023.
- Thiên Lam. 2020. Điều chỉnh mức sinh để hướng tới cơ cấu dân số vàng. *Báo Nhân Dân*, ngày 11/5/2020.
- Thiên Lam. 2023. Cơ cấu “dân số vàng” và những thách thức với Việt Nam. *Báo Nhân Dân*, ngày 4/4/2023.
- Thu Hương. 2015. “Dân số vàng” – thời cơ và thách thức. *Báo Quân đội nhân dân*, ngày 25/12/2015.
- Trần Trần. 2024. Thời kỳ “dân số vàng” ở Việt Nam sẽ kéo dài thêm 10 năm. *Công an nhân dân Online*, ngày 2/1/2024.
- Trần Nguyên. 2019. Việt Nam cần phải tận dụng cơ cấu “dân số vàng”, *Báo Nhân Dân*, ngày 11/10/2019.
- Trịnh Văn Lễ. 1991. Chính sách bảo trợ xã hội với người về hưu và người già cô đơn ở Việt Nam. Trong: Viện Bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ người có tuổi. 1991. *Hội thảo lão khoa xã hội*. Hà Nội: Viện Bảo vệ sức khoẻ người có tuổi.
- Trung Chính. 1986. Thái Bình thực hiện chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước đối với thương binh, người về hưu và gia đình liệt sĩ. *Tạp chí Xã hội học*, số 3(12): 31-34.
- Trung tâm Tin tức VTV24. 2019. Tận dụng “cơ cấu dân số vàng”: Cơ hội đi liền thách thức. *VTV Online*, ngày 12/7/2019.
- Trương Sĩ Ánh. 1998. *Báo cáo về khảo sát người cao tuổi ở TPHCM và sáu tỉnh xung quanh*. TPHCM: Viện Nghiên cứu kinh tế TPHCM.
- Trương Sĩ Ánh. 1999. Một số đặc điểm về tổ chức đời sống và nguồn hỗ trợ của người cao tuổi ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh xung quanh. *Tạp chí Xã hội học*, số 2(66): 44-47.
- Truong Si Anh, Bui The Cuong, Daniel Goodkind & John Knodel. 1997. Living Arrangements, Patrilineality and Sources of Support among Elderly Vietnamese. *Asia-Pacific Population Journal*, Vol. 12, No. 4, December 1997, 69-88. ISSN 0259-238X.
- Viện Bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ người có tuổi. 1991. *Hội thảo lão khoa xã hội*. Hà Nội: Viện Bảo vệ sức khoẻ người có tuổi.

- Viện Bảo vệ sức khoẻ người có tuổi. 1993. *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lão khoa xã hội*. Hà Nội: Viện Bảo vệ sức khoẻ người có tuổi.
- Viện Xã hội học. 1994. *Người cao tuổi và an sinh xã hội*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Việt Hà. 2017. Tận dụng thời kỳ cơ cấu dân số vàng - Vận hội lớn cho đất nước. *Trang Thông tin đối ngoại*, ngày 29/1/2017. Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại.
- Vĩnh Đăng. 2021. Chiến lược tận dụng “kỷ nguyên vàng” của dân số. *Báo Nhân Dân*, ngày 31/12/2021.
- Vũ Khiêu. 1986. Đề cho các cụ trẻ mãi không già. *Tạp chí Xã hội học*, số 1(10): 65-68.
- Vũ Minh Phượng. 1986. Quỹ Bảo thọ và hoạt động của giới phụ lão Hải Hưng. *Tạp chí Xã hội học*, số 1(10): 69-71.